TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2026.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Khánh và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Lương Bỹa, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2025/TLST – HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10/3/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lương Thị Ngọc Q, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc Q trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi (Q) và anh Nguyễn Hữu T qua thời gian quen biết tìm hiểu nhau thì chúng tôi kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2017 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Cũ). Việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn, chúng tôi có thời gian tìm hiểu, quen biết nhau ngắn, chưa hiểu về tính cách của nhau, nên khi về chung sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không ai nghe ai, nên thường xuyên xảy ra mau thuẫn cãi vã, đánh nhau, anh T không lo cho gia đình, không giúp đỡ vợ, thường xuyên đi nhậu về gây với vợ con. chúng tôi có nhờ gia đình hai bên nội ngoại giúp đỡ, nhưng do cái tôi của mỗi người quá lớn, nên không ai chịu nhường nhịn ai, nên không thể hoà giải được. Do mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể giải quyết được với nhau, nên tôi bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của tôi để ở và chúng tôi ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, trong thời gian ly thân thì vợ chồng không gặp gỡ, không quan tâm chăm sóc nhau, việc ai nấy làm. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn nối lại với nhau được nữa và chúng tôi đã thống nhất thuận tình ly hôn. Đề nghị Toà án xem xét.

-*Về con chung*: Tôi và anh chị Lương Thị Ngọc Q có 02 con chung: Cháu Nguyễn Lương Ngọc T, sinh ngày 21/7/2014 và cháu Nguyễn Lương Thuỳ N, sinh ngày 30/1/2017, hiện nay các cháu đang ở với tôi. Ly hôn chúng tôi thoả thuận để cho tôi (Quỳnh) được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 09/01/2026 Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

1.Quan hệ hôn nhân: Qua phần trình bày của cô Lương Thị Ngọc Q về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn của vợ chồng tôi là đúng tôi không trình bày thêm về nội dung này.

Về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn vợ chồng tôi: Do tính cách của vợ chồng trái ngược nhau, bản thân các bên có tính cố chấp, bảo thủ, không ai nghe ai, không ai chịu nhường nhịn ai, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, nên trong cuộc sống chung vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cứ nói chuyện là cãi nhau, sự việc xảy ra liên tục và thường xuyên, dẫn đến nhiều khi chán và bức xúc thì tôi bỏ đi nhậu, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn, nên khoảng năm 2019 cô Lương Thị Ngọc Q đã bỏ về nhà ngoại ở và chúng tôi sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, do vợ chồng đã hết tình cảm, cũng vì lòng tự ái của vợ chồng quá cao, nên chúng tôi không gặp gỡ, liên lạc gì với nhau. Nay cô Lương Thị Ngọc Q có đơn xin ly hôn tôi, thì tôi đồng ý, vì mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, chúng tôi đã thống nhất thuận tình ly hôn.

-*Về con chung*: Chúng tôi có 02 con chung như cô Lương Thị Ngọc Q trình bày trên và chúng tôi đã thống nhất với nhau để cho cô Q nuôi các con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phần tranh luận tại phiên toà

-Tại phiên toà nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc Q đề nghị Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết:

+Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

+Về con chung: Xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, khoản 3 Điều 83 Luật Hôn nhân và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị Ngọc Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Lương Ngọc T, sinh ngày 21/7/2014 và cháu Nguyễn Lương Thuỳ N, sinh ngày 30/1/2017 cho bà Lương Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Ngọc Q đối yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lương Thị Ngọc Q phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* bị đơn anh Nguyễn Hữu T đang cư trú tại xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tiến hành làm việc và xác định. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu T đang sinh sống tại địa phương, biết việc chị Lương Thị Ngọc Q có đơn khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Hữu T và đang được Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết, anh Nguyễn Hữu T có bản tự khai và nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhân dân khu vực 7, nhưng không hợp tác, không đến làm việc, không nêu lý do vắng mặt, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21 tháng 8 năm 2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình thu thập chứng cứ, chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T thừa nhận: Trong cuộc sống chung do tính cách của vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm, các bên cố chấp, bảo thủ, không ai nghe ai, không chịu nhường nhịn nhau, nên dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không quan tâm chăm sóc nhau trong công việc và cuộc sống gia đình, đến năm 2019 thì chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T sống ly thân nhau cho đến nay, việc này được các bên đương sự thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự không phải chứng minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tiến hành mở phiên họp, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không nêu lý do vắng mặt. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương

chăm sóc, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T thừa nhận vợ chồng chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ với nhau, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống chung của vợ chồng, chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T thừa nhận đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, chứng tỏ mâu thuẫn của Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T cũng có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân, nhưng anh Nguyễn Hữu T không đến làm việc, nên không thể lập biên bản ghi nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Ngọc Q là thoả đáng.

[2.2] Về con chung: Chị Lương Thị Ngọc Q và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung, cháu Nguyễn Lương Ngọc T, sinh ngày 21/7/2014 và cháu Nguyễn Lương Thuỳ N, sinh ngày 30/1/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị Ngọc Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến tuổi trưởng thành và anh Nguyễn Hữu T cũng đồng ý. Xét yêu cầu của chị Lương Thị Ngọc Q phù hợp với ý kiến của anh Nguyễn Hữu T, cũng như nguyện vọng của các con chung. Hơn nữa các cháu là con gái đang trong giai đoạn trưởng thành và hiện đang do chị Lương Thị Ngọc Q nuôi dưỡng, nên việc giao các con chung cho chị Lương Thị Ngọc Q chăm sóc, nuôi dưỡng là thoả đáng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu ý kiến của anh Nguyễn Hữu T, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên toà chị Lương Thị Ngọc Q không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét yêu cầu này của chị Lương Thị Ngọc Q là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên đình chỉ yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng của chị Lương Thị Ngọc Q.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Ngọc Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Ngọc Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lương Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lương Thị Ngọc Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cháu Nguyễn Lương Ngọc T, sinh ngày 21/7/2014

và cháu Nguyễn Lương Thuỳ N, sinh ngày 30/1/2017 cho đến tuổi trưởng thành *(Tròn 18 tuổi)*.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Áp dung khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lương Thị Ngọc Q.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, tuy nhiên anh Nguyễn Hữu T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người nuôi giữ, mức cấp dưỡng.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006412 ngày 30/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
-Phòng THADS khu vực 7;
-UBND xã Ea Kar,
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Mạnh Tuân